TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

Bản án số: 40/2022/DS-ST
Ngày: 24-6-2022
Vụ án:“ Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và Đòi tiền lương”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

  Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà : Bà Đinh Thị Hồng Hà
  Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải
  Ông Hà Văn Trường

- ***Thư ký phiên toà*** : Bà Phạm Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Bà Trần Hồng Gấm – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân TP Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 25/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 2 năm 2022, về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi tiền lương*”; Theo Quyết định vụ án ra xét xử số 72/2022/QĐST-XX ngày 12 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2022/QĐST-HPT ngày 07 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn*****:** Bà Trần Thị M, sinh năm 1959 (vắng mặt)
  Địa chỉ: Chung cư A, đường B, phường C, thành phố D, tỉnh Q
  Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị G, sinh năm 1989 (có đơn xin giải quyết vắng mặt)
  Địa chỉ: Đường X, phường C, thành phố D, tỉnh Q

- ***Bị đơn*****:** Bà Nguyễn Thùy T, sinh năm 1969 (vắng mặt)
  Địa chỉ: Chung cư O, đường B, phường C, thành phố D, tỉnh Q

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 17-02-2022 và quá trình tố tụng tại Tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Gấm trình bày:

Bà Trần Thị M làm giúp việc cho bà Nguyễn Thùy T (sau đây gọi là "bà T") từ tháng 02 năm 2019. Theo thỏa thuận bà M sẽ ở lại nhà bà T và được lo việc ăn uống, lương nhận được là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) một tháng.

Tuy nhiên, hàng tháng bà M không thấy bà T trả lương cho bà. Bà M nghĩ bà T đang khó khăn, chắc sẽ gom vài tháng trả cho bà một lần nên bà vẫn tiếp tục làm việc.

Đến ngày 08/4/2021, bà T vẫn chưa trả cho bà M tiền lương và các khoản chi phí sinh hoạt gia đình mà khi bà T đi công tác bà đã tự bù bằng tiền riêng của tôi. Do vậy, bà M đã yêu cầu bà T viết giấy xác nhận số tiền nợ và yêu cầu bà T trả đầy đủ cho bà M. Theo nội dung xác nhận thì bà T còn nợ tiền lương từ tháng 02/2019 đến 08/4/2021 và chi phí mà bà M đã bỏ ra là 282.000.000đ (Hai trăm tám mươi hai triệu đồng).

Sau đó, do Công ty của bà T gặp khó khăn, bà T đề nghị bà M cho vay tiền. Bà T hứa khi bà T rút tiền tiết kiệm tại Ngân hàng sẽ trả lại ngay cho tôi. Tháng 5/2021 bà M đã cho bà T vay 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Tháng 6/2021 bà M cho bà T vay 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Tháng 7/2021, bà M tiếp tục cho bà T vay 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng). Bà T hẹn tháng 9/2021 sẽ trả cho bà M cả số tiền 282.000.000đ (Hai trăm tám mươi hai triệu đồng) nêu trên và 370.000.000đ (Ba trăm bảy mươi triệu đồng) bà T vay thêm.

Đến nay, bà T vẫn chưa trả cho bà M cả hai khoản tiền trên và tiếp tục nợ bà M tiền lương từ tháng 4/2021 đến nay với số tiền là:

6.000.000đ/tháng x 9,5 tháng = 57.000.000đ (Năm mươi bảy triệu đồng).

Ngày 26/01/2022, bà M yêu cầu bà T viết giấy xác nhận nợ với tổng số tiền là 709.000.000đ (Bảy trăm lẻ chín triệu đồng) và trả ngay cho bà M nhưng bà T tự viết Giấy vay nợ với số tiền là 663.000.000đ (Sáu trăm sáu mươi ba triệu đồng), cũng tự hẹn đầu tháng 3/2022 trả cho bà M. Bà M không đồng ý, yêu cầu bà T viết lại nhưng bà T không chịu viết.

Nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của bà M đang bị bà Nguyễn Thùy T xâm phạm, nay bà M yêu cầu bà Nguyễn Thùy T trả cho bà M tổng số tiền là: 709.000.000đ (Bảy trăm lẻ chín triệu đồng), bao gồm:

- Tiền lương từ tháng 02/2019 đến 08/4/2021 và các khoản chi phí sinh hoạt gia đình mà bà M đã bỏ ra là: 282.000.000đ (Hai trăm tám mươi hai triệu đồng).

- Khoản tiền bà M đã cho bà T vay các tháng 5,6,7/2021 là 370.000.000đ (Ba trăm bảy mươi triệu đồng).

- Tiền lương từ tháng 4/2021 đến nay là 57.000.000đ (Năm mươi bảy triệu đồng).

Do bà M không có đủ tài liệu chứng cứ khởi kiện nên nay bà M chỉ yêu cầu bà T trả số tiền 663.000.000 đồng theo giấy vay nợ ngày 26-01-2022.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ và triệu tập bị đơn đến Tòa án để lấy lời khai nhưng bị đơn không đến Tòa án. Tòa án tiến hành xác M nơi cư trú của bị đơn tại địa chỉ Chung cư O, đường B, phường C, thành phố D, tỉnh Q

Bà Rịa – Vũng Tàu được biết " Đương sự Nguyễn Thùy T , sinh năm 1969 không đăng ký thường trú, tạm trú tại số Chung cư O, đường B, phường C, thành phố D, tỉnh Q, bà T có thời gian lưu trú tại địa chỉ trên nhưng hiện nay đã chuyển đi không khai báo."

Tòa án ra quyết định yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ nơi ở mới của bị đơn theo quyết định số 05/2022/QĐ- CCTLCC ngày 22/3/2022 tuy nhiên nguyên đơn không cung cấp được địa chỉ mới của bị đơn. Căn cứ theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tóa án nhân dân Tối cao về thẩm quyến theo lãnh thổ. Vì vậy Tòa án nhân thành phố Vũng Tàu thụ lý vụ án và tiến hành niêm yết, tống đạt tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn tại địa chỉ Chung cư O, đường B, phường C, thành phố D, tỉnh Q, để xét xử vắng mặt bị đơn. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không đến vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được mặc dù Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn hợp lệ theo quy định pháp luật. Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tuy nhiên bà Gấm vẫn bảo lưu bản tự khai và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và yêu cầu buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 663.000.000 đồng theo

giấy vay nợ ngày 26-01-2022, thời hạn thanh toán bà T tự viết là tháng 3 năm 2022 tuy nhiên đến ngày mở phiên tòa xét xử là tháng 6 năm 2022 bà T vẫn chưa thanh toán số tiền gốc, do đó bà M yêu cầu bà T phải thanh toán ngay số tiền trên sau khi kết thúc phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

[2] Ý kiến của đại diện Viển kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 48, Điều 49, Điều 51 BLTTDS năm 2015. Phiên tòa diễn ra đúng thời gian, địa điểm được thông báo. Quá trình xét xử tuân thủ đúng trình tự quy định tại BLTTDS năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Trần Thị M khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi tiền lương đối với bị đơn bà Trần Thùy T có địa chỉ cư trú tại số A1009 Chung cư OSC Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Theo điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án quy định: Trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú được ghi trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới thì được xem là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung. Vì vậy, đối với trường hợp này, bà Nguyễn Thùy T được xem như cố tình giấu địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng của bà T được xác định là Chung cư O, đường B, phường

C, thành phố D, tỉnh Q,. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Ngày 26/01/2022, bà M yêu cầu bà T viết giấy xác nhận nợ với tổng số tiền là 709.000.000đ (Bảy trăm lẻ chín triệu đồng) và trả ngay cho bà M nhưng bà T tự viết Giấy vay nợ với số tiền là 663.000.000đ (Sáu trăm sáu mươi ba triệu đồng), cũng tự hẹn đầu tháng 3/2022 trả cho bà M. Bà M không đồng ý, yêu cầu bà T viết lại nhưng bà T không chịu viết.

Nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của bà M đang bị bà Nguyễn Thùy T xâm phạm, nay bà M yêu cầu bà Nguyễn Thùy T trả cho bà M tổng số tiền là: 709.000.000đ (Bảy trăm lẻ chín triệu đồng), bao gồm:

- Tiền lương từ tháng 02/2019 đến 08/4/2021 và các khoản chi phí sinh hoạt gia đình mà bà M đã bỏ ra là: 282.000.000đ (Hai trăm tám mươi hai triệu đồng).

- Khoản tiền bà M đã cho bà T vay các tháng 5,6,7/2021 là 370.000.000đ (Ba trăm bảy mươi triệu đồng).

- Tiền lương từ tháng 4/2021 đến nay là 57.000.000đ (Năm mươi bảy triệu đồng).

Do bà M không có đủ tài liệu chứng cứ khởi kiện nên nay bà M chỉ yêu cầu bà T trả số tiền 663.000.000 đồng theo giấy vay nợ ngày 26-01-2022, không yêu cầu tính lãi suất.

Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền gốc, không yêu cầu trả tiền lãi, đây là quyền định đoạt của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 663.000.000 đồng gốc là có căn cứ.

Thời hạn thanh toán bà T tự viết là tháng 3 năm 2022 tuy nhiên đến ngày mở phiên tòa xét xử là tháng 6 năm 2022 bà T vẫn chưa thanh toán khoản gốc và lãi nào cho bà M, do đó bà M yêu cầu bà T phải thanh toán ngay số tiền gốc trên sau khi xét xử sơ thẩm.

[3] Án phí DSST: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 – 12 – 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị đơn bà Nguyễn Thùy T phải chịu toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 244; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015

Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 – 12 – 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

TUYÊN XỬ:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M đối với bà Nguyễn Thùy T, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi tiền lương*".

Buộc bà Nguyễn Thùy T trả cho bà Trần Thị M số tiền 663.000.000đ (Sáu trăm sáu mươi ba triệu đồng) theo giấy vay nợ ngày 26-01-2022.

[2] Về Án phí Dân sự sơ thẩm:

Bị đơn Bà Nguyễn Thùy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 29.320.000đ (Hai mươi chín triệu, ba trăm hai mươi ngàn đồng)

[3] Về nghĩa vụ thi hành án:

[3.1] Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[4] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án Nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh BR- VT;*
- *VKSND TP. Vũng Tàu;*
- *THA Dân sự TP VũngTàu;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Đinh Thị Hồng Hà